

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HS-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Ông Phạm Văn Toàn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:
Ông Vũ Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thanh L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ).

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Thanh L, sinh ngày 06/11/1984 tại tỉnh Phú Thọ; nơi ĐKKHKT: Khu VH, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu VH, xã TC, tỉnh Phú Thọ); nơi ở hiện tại: Khu P1, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu P1, xã TC, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Đảng phái: Không; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962; Có vợ là Hoàng Thị T4 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 28/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Bị cáo chấp hành xong ngày 30/6/2012.

+ Ngày 11/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong ngày 15/3/2017.

+ Ngày 27/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Bị cáo chấp hành xong ngày 19/10/2020.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh L:* Ông Lê Văn C2 – Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1983 và chị Trần Thị Thùy L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu VH, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu VH, xã TC, tỉnh Phú Thọ); anh V có mặt, chị L1 vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị L2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu ĐB, xã Hùng L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu ĐB, xã CM, tỉnh Phú Thọ); vắng mặt.

+ Chị Lý Thị C, sinh năm 2002; địa chỉ: Bản 6V, xã XT, huyện BY, tỉnh Lào Cai (nay là Bản 6V, xã BY, tỉnh Lào Cai); vắng mặt.

+ Anh Lê Minh V1, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu ĐB, xã Hùng L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu ĐB, xã CM, tỉnh Phú Thọ); vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu 2, xã Hùng L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu 2, xã CM, tỉnh Phú Thọ); vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu VH, xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu VH, xã TC, tỉnh Phú Thọ); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh L, sinh năm 1984 là người có sở điều trị tâm thần của Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ từ năm 2022. Từ khi được chẩn đoán bị động kinh có rối loạn tâm thần, L điều trị, lĩnh thuốc tại Trạm y tế xã TC, đến ngày 07/3/2023 thì bỏ điều trị. Hàng ngày, L vẫn giúp mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962 quản lý quán Karaoke SM tại khu Phố, xã TC, huyện Đ.

Khoảng 22 giờ tối ngày 28/4/2024, L đang ngồi tại phòng khách của quán Karaoke SM thì chị Lê Thị L2, sinh năm 1993 ở khu ĐB, xã Hùng L, huyện Đ đến. Do L không đồng ý cho nhân viên của chị L2 là chị Lý Thị C, sinh năm 2002 ở xã XT, huyện BY, tỉnh Lào Cai vào phòng hát phục vụ rót bia, bảm bài theo yêu cầu của khách nên giữa chị L2 và L đã xảy ra tranh cãi với nhau. Trong quá trình tranh cãi, do bức tức, cho rằng chị L2 có lời lẽ khiêu khích, xúc phạm mình nên L đã dùng tay phải tát 01 cái vào vùng mặt bên trái của chị L2. Bị L tát, chị L2 cầm 01 chiếc chén uống nước bằng sứ ở trên bàn ném vào trán của L khiến L bị bầm tím, trầy sát da cung lông mày trái, chiếc chén cũng bị rơi vỡ, hư hỏng. Thấy vậy, L cầm 01 chiếc điều cày bằng tre dài 65cm có sẵn ở quán vụt 01 cái theo chiều hướng từ trên xuống dưới vào người chị L2, chị L2 giơ ghế lên đỡ khiến chiếc điều cày bị rơi xuống đất. L nhặt chiếc điều cày này lao vào vụt chị L2 thêm 02 đến 03 cái khiến chị L2 bị bầm tím bả vai phải. Bức tức vì bị L đánh, chị L2 cầm chiếc phích đựng nước (dạng ấm giữ nhiệt) để trên

bàn đập xuống nền nhà khiến chiếc phích bị vỡ, hư hỏng. Thấy chị L2 có hành vi đập phá tài sản của quán, L tiếp tục dùng điều cày vọt chị L2 01 cái vào người rồi vật chị L2 xuống nền nhà, dùng tay phải nắm 02 đến 03 cái vào mặt, đầu của chị L2 rồi kéo chị L2 đứng dậy, cầm điều cày vọt thêm 01 cái vào lưng của chị L2. Sau khi được mọi người có mặt ở quán can ngăn, chị L2 chạy ra đứng ở cửa quán đồng thời nói sẽ gọi người và báo C1 an. Bực tức vì nghĩ chị L2 thách thức mình, L chạy vào trong quán lấy 01 con dao dài khoảng 20cm, dạng dao gọt hoa quả đi ra để dồn đuổi chị L2 nhưng chị L2 đã bỏ chạy. Cho rằng chị L2 đi tìm người đến đánh mình nên L đứng ở cửa đợi. Một lúc sau, anh Lê Minh V1, sinh năm 2000 ở khu DB, xã Hùng L, huyện Đ là em trai của chị L2 cùng anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1998 ở khu 2, xã Vân Đồn, huyện Đ đến, hỏi L lý do tại sao lại đánh chị L2. Tuy nhiên, do thấy L cầm dao nên cả hai bỏ đi về khu vực ngã ba thuộc khu phố Cốc. L đi theo đến khu vực trên thì thấy anh V1, anh C1 đang đứng cùng chị L2 và chị Trần Thị Thuý L1, sinh năm 1987 ở khu VH là em gái của L nên L cầm dao dồn đuổi nhóm người này. Sợ bị L chém nên anh V1 và anh C1 vừa chạy vừa nhặt gạch ném về phía L để cản L lại. Do không đuổi kịp nhóm của chị L2 nên L lại đi bộ về quán Karaoke SM. Lúc này, L thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 19E1-242.58 mà chị L2 và chị C đi đến lúc trước vẫn dựng ở trước cửa quán. L biết chiếc xe trên là của chị L1 và chồng là anh Phạm Văn V, sinh năm 1983 ở khu VH. Tuy nhiên, do vẫn bực tức về chuyện chị L2, lại nghĩ vợ chồng anh V, chị L1 xúi giục chị L2 đến phá hoại việc kinh doanh của mình nên L đã nảy sinh ý định huỷ hoại chiếc xe trên. L nói với bà K là L phải đốt chiếc xe, bà K can ngăn nhưng L vẫn lấy chiếc bật lửa để ở bàn uống nước, đi đến vị trí dựng xe, L cúi xuống, dùng con dao đang cầm ở tay cắt dây dẫn xăng để xăng chảy ra rồi dùng bật lửa đốt cháy chiếc xe trên. Khi lửa bùng lên, L bỏ vào trong nhà lấy 01 đoạn gậy bằng kim loại dài 1,65m, đục con dao đang cầm ở tay vào đầu đoạn gậy này, nhưng do phần cán dao bị rơi ra ngoài nên L đã thay phần lưỡi dao này bằng 01 con dao khác bằng kim loại dài 21cm có sẵn ở quán. Sau đó, L cầm theo đoạn gậy này đi bộ đến quán Karaoke Điềm Hẹn của vợ chồng anh V, chị L1 để tìm nhóm của chị L2. Khi thấy L cầm theo hung khí đi đến dồn đuổi mình, nhóm chị L2 bỏ chạy. Trong khi chạy, anh C1 và anh V1 tiếp tục nhặt gạch, đá ném về phía L để ngăn L không tiếp tục dồn theo mình. L bị gạch, đá ném trúng, bị xây xước da, chảy máu ở tay và chân trái nên không dồn đuổi nữa mà đi bộ về quán Karaoke SM. Về phía bà K, khi thấy L đốt xe, bà K đã tìm bình xịt chữa cháy để dập lửa, tuy nhiên, chiếc xe vẫn bị cháy, hư hỏng nhiều bộ phận.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ tại hiện trường chiếc xe mô tô biển số 19E1-242.58 mà L đã đốt cùng chiếc phích đựng nước mà chị L2 đập làm hư hỏng. Đối với chiếc chén bị chị L2 đập vỡ và chiếc cán của con dao mà L dùng để cắt dây dẫn xăng, do bà K đã dọn dẹp, bỏ đi nên không thu giữ được.

Cơ quan điều tra triệu tập L đến trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, L thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên, tự nguyện giao nộp 01 bật lửa, 01 lưỡi dao bằng kim loại mà L đã sử dụng để cắt dây dẫn xăng và đốt xe mô tô cùng 01 điều cày, 01 đoạn gậy có gắn dao mà L đã sử dụng để dồn đuổi, đánh nhóm chị L2.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá đối với các tài sản bị hư hỏng. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận:

“Trị giá thiệt hại, thay thế, sửa chữa xe mô tô biển số 19E1-242.58 tại thời điểm ngày 28/4/2024 là 9.455.000đ.

Trị giá thiệt hại của chiếc phích đựng nước tại thời điểm ngày 28/4/2024 là 90.000đ, của chiếc chén là 0đ”

Ngày 28/5/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với Trần Thanh L. Ngày 20/6/2024, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận:

“Trần Thanh L bị bệnh Động kinh không có rối loạn tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi Huỷ hoại tài sản ngày 28/4/2024, L bị bệnh Động kinh không có rối loạn tâm thần. L đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”.

Xét thấy hành vi của Trần Thanh L đủ yếu tố cấu thành tội phạm Huỷ hoại tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra - C1 an huyện Đ đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với L.

Do Trần Thanh L không nhất trí nội dung kết luận giám định, cho rằng L bị động kinh có rối loạn tâm thần, không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, xét thấy kết luận giám định còn có mâu thuẫn với hồ sơ bệnh án của L nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại về tâm thần đối với L.

Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận giám định lại về tâm thần đối với L như sau:

“Trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/4/2024 và tại thời điểm giám định bị can Trần Thanh L bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn, có biến đổi nhân cách mức độ nhẹ. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi”.

Tại Bản án hình sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178, các điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L phạm tội “Hủy hoại tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2025, bị cáo kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Luật sư bào chữa của bị cáo vắng mặt, đã gửi bản luận cứ đề nghị Hội đồng xem xét đánh giá tính chất của vụ án, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo, Giữ nguyên bản án hình sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Trần Thanh L trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Luật sư bào chữa của bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo cũng nhất trí về sự vắng mặt của luật sư nên Hội đồng vẫn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, xác định được như sau: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/4/2024, tại cửa quán Karaoke SM ở khu Phố, xã TC, huyện Đ, do mâu thuẫn với chị Lê Thị L2, bị cáo Trần Thanh L đã có hành vi dùng dao cắt dây dẫn xăng của xe mô tô biển kiểm soát 19E1 - 242.58 của anh Phạm Văn V và chị Trần Thị Thùy L1 rồi dùng bật lửa châm lửa đốt khiến chiếc xe bị cháy, hư hỏng, giá trị thiệt hại là 9.455.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi hủy hoại tài sản, phù hợp với lời khai của bị cáo và lời khai của những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Về các nội dung không đồng ý với cáo trạng, bị cáo cho rằng quán Karaoke SM là tài sản chung của gia đình, không phải tài sản riêng của bà Nguyễn Thị K; hành vi đốt xe mô tô không bắt nguồn từ mâu thuẫn với chị Lê Thị L2 mà do bị nhóm chị L2 đến gây rối, kích động dẫn đến bị cáo không làm chủ được hành vi; bị cáo mắc bệnh động kinh có rối loạn tâm thần, việc cơ quan tố tụng đưa bị cáo đi giám định lại và đưa ra kết luận không đúng, không chính xác với tình hình bệnh của bị cáo và không giải thích khi bị cáo không công nhận kết quả giám định; những hành động của nhóm chị L2 gây ra tại nhà bị cáo không ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự theo cáo trạng nêu là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai của bị cáo và bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ bị cáo) trong quá trình điều tra đều xác định quán Karaoke SM thuộc quyền sở hữu của bà K, bị cáo chỉ được giao quản lý. Mâu thuẫn phát sinh khi chị L2 và chị C đến quán hát, hai bên xảy ra tranh cãi, dẫn đến hai bên xô xát, sau đó bị cáo đã đốt xe mô tô mà bị cáo biết là của anh Phạm Văn V và chị Trần Thị Thùy L1 do chị L2 điều khiển đến.

Về tình trạng sức khỏe của bị cáo, nhận thấy bị cáo có tiền sử điều trị bệnh động kinh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ nên để đảm bảo khách quan, sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định pháp y tâm thần hai lần. Kết luận giám định cuối cùng của Viện Pháp y tâm thần Trung ương xác định: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và khi giám định, bị cáo mắc bệnh động kinh toàn thể cơn lớn, có biến đổi nhân cách mức độ nhẹ nhưng vẫn đủ khả năng nhận thức, chỉ bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn không đồng ý với kết luận giám định Viện Pháp y tâm thần Trung ương nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới chứng minh việc kết luận giám định của Viện Pháp y tâm thần Trung ương không khách quan, không chính xác. Xét thấy, các thủ tục trưng cầu giám định được thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị cáo nên quan điểm kháng cáo của bị cáo về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc bị cáo cho rằng cáo trạng nhận định những hành động của nhóm chị L2 gây ra tại nhà bị cáo không ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự là không đúng, theo Kết luận của Cơ quan điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát đều xác định hành vi đập phá phích nước của chị L2 chưa cấu thành tội Hủy hoại tài sản, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, chuyển Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này là có căn cứ, đúng quy định.

[3.2] Về nội dung cho rằng phiên tòa sơ thẩm không công bằng, có hành vi ép buộc bị cáo, chỉ đưa ra những tình tiết có trong cáo trạng là bị cáo phải nhận, không hỏi bị cáo những nội dung, tình tiết này là đúng hay sai.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Căn cứ biên bản phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã được trình bày đầy đủ ý kiến trong phần xét hỏi, tranh luận và lời nói sau cùng. Bị cáo đã thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật, không cho rằng mình bị oan, chỉ không đồng tình với một số nội dung trong cáo trạng. Ngoài ra phiên tòa có sự tham gia của luật sư bào chữa cho bị cáo và mẹ bị cáo; bản thân bị cáo cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác, không có yêu cầu, đề nghị hay khiếu nại, tố cáo gì. Do đó, việc bị cáo cho rằng phiên tòa sơ thẩm không công bằng, có hành vi ép buộc bị cáo hoặc không được hỏi rõ các tình tiết là không có căn cứ.

[3.3] Về tình trạng bệnh lý và khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bị cáo: Mặc dù bị cáo cho rằng mình bị bệnh động kinh có rối loạn tâm thần, không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do bị cáo bị kích động mới dẫn đến hành vi đốt xe mô tô. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật như: Bản tự khai do bị cáo tự viết, lời khai của chính bị cáo khi sự việc mới xảy ra; lời khai của mẹ bị cáo, những người liên quan và người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu là kết luận giám định của các cơ quan chuyên môn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật kết hợp với xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo từng điều trị bệnh động kinh nhưng đã tự dừng uống thuốc điều trị do sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, bị cáo vẫn lao động, sinh hoạt bình thường, quản lý quán Karaoke SM... cho thấy bị cáo có khả năng nhận thức trong thời gian trước khi thực hiện hành vi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cắt dây dẫn xăng rồi châm lửa đốt xe mô tô được thực hiện một cách có chủ đích. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã trình bày cụ thể diễn biến nội dung, tình tiết đã xảy ra. Đồng thời, kết luận giám định của Viện Pháp y tâm thần Trung ương cũng khẳng định tại thời điểm phạm tội, bị cáo đủ năng lực nhận thức, chỉ bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

[3.4] Từ các phân tích trên, có đủ căn cứ xác định bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại tài sản một cách có nhận thức, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo có đủ nhận thức để nhận biết được hành vi cố ý hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không bị áp dụng tình tiết nào. Tuy nhiên về nhân thân, bị cáo đã ba lần bị áp dụng biện pháp hành chính về hành vi sử dụng

trái phép chất ma túy, mặc dù đến nay không còn là tiền sự nhưng cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo được áp dụng các tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở đó, xét thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng là phù hợp, vừa đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội sửa chữa, tu dưỡng bản thân và điều trị bệnh, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nào khác. Vì vậy, các nội dung kháng cáo của bị cáo không có căn cứ, không thay đổi bản chất vụ án không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 26 ngày 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, tuy nhiên bị cáo bị bệnh động kinh, hạn chế khả năng điều khiển hành vi, là người khuyết tật nên miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 26 ngày 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã TC, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã TC, tỉnh Phú Thọ) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thanh L được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng Hồ sơ – CA tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 5 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 5 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã TC - Phú Thọ
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương